

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**VÕ QUANG MINH**

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN**  
**HUYỆN EAH'LEO, TỈNH ĐĂKLĂK**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã ngành: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2015**

Công trình đã được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. VÕ XUÂN TIẾN**

**Phản biện 1: PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

**Phản biện 2: PGS.TS. TRẦN ĐÌNH THAO**

Luận văn được bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Kinh tế hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 06 tháng 02 năm 2015

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Ở Việt Nam, nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản, hiện có 80% dân cư và trên 70% lực lượng lao động xã hội sống ở nông thôn, thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp, nông nghiệp phát triển thì mới phát triển kinh tế.

Huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk là một huyện vùng cao nằm ở phía Bắc cách trung tâm của tỉnh Đắk Lắk 82km. Toàn huyện hiện có 26 dân tộc đang sinh sống, trong đó người Kinh chiếm 61%, người dân tộc thiểu số chiếm 39% dân số toàn huyện. Trong những năm qua, huyện luôn chú trọng đến thúc đẩy PTNN, SXNN huyện phát triển tương đối toàn diện, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động... Tuy vậy, so với tiềm năng thế mạnh và nhiệm vụ đặt ra vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém, PTNN chưa khai thác hết những tiềm năng, thế mạnh sẵn có... Để tiếp tục PTNN, trong những năm tới đòi hỏi huyện cần thiết phải nghiên cứu các giải pháp có tính khoa học và thực tiễn cao nhằm đưa nông nghiệp huyện EaH'leo phát triển.

Từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài "***Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk***" để nghiên cứu.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển nông nghiệp.

- Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk thời gian qua.

- Đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk thời gian tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***a. Đối tượng nghiên cứu***

- Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk.

#### ***b. Phạm vi nghiên cứu***

- *Nội dung*: Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp theo nghĩa hẹp gồm trồng trọt và chăn nuôi.

- *Không gian*: Các nội dung trên được tập trung nghiên cứu tại huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- *Thời gian*: Các giải pháp được đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong sáu năm tới.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc;

- Phương pháp khảo sát, chuyên gia;

- Phương pháp phân tích tổng hợp, khái quát hóa;

- Các phương pháp khác...

### **5. Bố cục của đề tài**

Ngoài phần mục lục, mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo đề tài được chia làm 3 chương như sau:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp

- Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk thời gian qua

- Chương 3: Giải pháp phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, tỉnh Đắk Lắk thời gian tới.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

# CHƯƠNG 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

### 1.1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

#### 1.1.1. Một số khái niệm

**Nông nghiệp** là ngành sản xuất vật chất chủ yếu của nền kinh tế, cung cấp những sản phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm cho con người tồn tại và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp. Theo nghĩa hẹp, nông nghiệp gồm hai lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Theo nghĩa rộng, ngành nông nghiệp gồm ba lĩnh vực là nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và ngư nghiệp.

**Phát triển** là một quá trình thay đổi liên tục làm tăng trưởng mức sống của con người và phân phối công bằng những thành quả tăng trưởng trong XH.

**Phát triển nông nghiệp** thể hiện quá trình thay đổi của nền nông nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn trước đó và thường đạt ở mức độ cao hơn cả về lượng và về chất.

#### 1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

- Đặc điểm SXNN: Có tính vùng; ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu; đối tượng của SXNN là cây trồng và vật nuôi; SXNN mang tính thời vụ cao.

- Đặc điểm riêng của nông nghiệp Việt Nam: Từ tình trạng lạc hậu, tiến lên xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa; nền nông nghiệp nhiệt đới, có pha trộn tính chất ôn đới.

#### 1.1.3. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp

- Đóng góp về thị trường;
- Góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn định;
- Góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực
- Góp phần phát triển nông thôn

## **1.2 NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

### **1.2.1. Phát triển số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp**

#### ***a. Số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp***

- Số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp là những nơi kết hợp các yếu tố nguồn lực, trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp.

- Phát triển số lượng cơ sở SXNN nghĩa là làm gia tăng về số lượng các cơ sở SXNN trên địa bàn.

- Phải tăng số lượng các cơ sở SXNN vì các cơ sở SXNN tạo ra sản phẩm nông nghiệp phục vụ cho đời sống kinh tế - xã hội.

- Các cơ sở SXNN cần được xem xét là: Kinh tế hộ; kinh tế trang trại; hợp tác xã nông nghiệp; doanh nghiệp nông nghiệp.

#### ***b. Các tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp***

- Số lượng các cơ sở sản xuất qua các năm (tổng số và từng loại).

- Mức tăng và tốc độ tăng của các cơ sở sản xuất.

### **1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý**

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp là tổng thể các ngành, lĩnh vực, bộ phận trong sản xuất nông nghiệp với vai trò, vị trí của các thành phần hợp thành theo tỷ lệ tương xứng ổn định trong một thời kỳ nhất định.

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý là chuyển dịch vai trò, vị trí và tỷ lệ hợp thành của các ngành, lĩnh vực, bộ phận trong sản xuất nông nghiệp theo hướng hợp lý nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao.

- Nền nông nghiệp có cơ cấu sản xuất hợp lý khi chuyển dịch theo các xu hướng sau:

- Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng từ nền nông nghiệp độc canh, tự cung tự cấp thành nền nông nghiệp hàng hóa và cao hơn là nông nghiệp thương mại hóa. Tăng tỷ trọng chăn

nuôi, dịch vụ nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt.

- Đối với ngành trồng trọt xu hướng chuyển dịch là giảm dần diện tích cây lương thực, tăng diện tích cây ăn quả, cây rau, cây công nghiệp.

- Đối với ngành chăn nuôi, cơ cấu được chuyển dịch theo hướng sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng; chuyển dịch sang đàn vật nuôi có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định thay cho những vật nuôi có giá trị kinh tế thấp.

### ***Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu SXNN***

- *Nhóm tiêu chí phản ánh cơ cấu kết quả sản xuất:* Giá trị sản xuất và tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp trong GDP; giá trị sản xuất và tỷ trọng giá trị sản xuất của nội ngành nông nghiệp.

- *Nhóm chỉ tiêu phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu các nguồn lực:* Cơ cấu diện tích các loại cây trồng; tỷ trọng lao động trong tổng số lao động; cơ cấu về trình độ học vấn, nghề nghiệp, độ tuổi của lao động nông nghiệp...

### **1.2.3. Gia tăng việc sử dụng các yếu tố nguồn lực**

#### ***a. Đất đai được sử dụng trong nông nghiệp***

- Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không bị hao mòn và đào thải khỏi quá trình sản xuất; đất đai được sử dụng trong nông nghiệp (ruộng đất) tăng lên theo hướng tập trung theo yêu cầu phát triển của sản xuất hàng hoá và PTNN.

- Tiêu chí đánh giá: Đất đai nông nghiệp, đất canh tác trên một nhân khẩu, một lao động càng cao là điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp phát triển.

#### ***b. Lao động nông nghiệp***

- Nguồn nhân lực nông nghiệp là tổng thể sức lao động tham gia vào hoạt động SXNN, bao gồm số lượng và chất lượng của người lao động.

- Đặc điểm của lao động nông nghiệp có tính thời vụ cao và là

thứ lao động tất yếu, xu hướng có tính quy luật không ngừng thu hẹp về số lượng và được chuyển một bộ phận sang các ngành khác.

- Chất lượng lao động nông nghiệp tăng lên khi nâng cao trình độ văn hoá, trình độ kỹ thuật, trình độ nghiệp vụ của người lao động.

- Tiêu chí phản ánh tăng chất lượng lao động là các yếu tố về tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, truyền thống, bí quyết công nghệ...

### ***c. Vốn trong nông nghiệp***

Vốn trong nông nghiệp được biểu hiện bằng tiền của tư liệu lao động và đối tượng lao động được sử dụng vào quá trình SXNN. Các biện pháp tạo vốn và nâng cao sử dụng vốn có hiệu quả trong nông nghiệp sẽ rất có ý nghĩa, góp phần thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

### ***d. Cơ sở vật chất - kỹ thuật nông nghiệp***

Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ nông nghiệp ngày càng hoàn thiện và phát triển gồm công cụ máy móc, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ SXNN gồm giao thông, thủy lợi; hệ thống dịch vụ trồng trọt và chăn nuôi...

### ***e. Công nghệ sản xuất trong nông nghiệp***

Công nghệ theo nghĩa chung nhất là tập hợp những hiểu biết về các phương thức và phương pháp hướng vào cải tạo tự nhiên, phục vụ các nhu cầu con người.

### ***g. Tiêu chí đánh giá gia tăng việc sử dụng các yếu tố nguồn lực***

- Diện tích đất và tình hình sử dụng đất.
- Năng suất ruộng đất qua các năm.
- Lao động và chất lượng lao động qua các năm.
- Tổng số vốn đầu tư và mức đầu tư trên diện tích.
- Số lượng và giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp.
- Mức tăng và tốc độ tăng của cơ sở vật chất trong nông nghiệp.
- Giống mới và tỷ lệ diện tích giống mới trong tổng số.



#### **1.2.4. Phát triển nông nghiệp có trình độ thâm canh cao**

- Thâm canh là phương thức sản xuất tiên tiến nhằm tăng sản lượng nông sản bằng cách nâng cao độ phì nhiêu kinh tế của ruộng đất thông qua việc đầu tư thêm vốn và kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp.

- Bản chất thâm canh là quá trình đầu tư thêm vốn và lao động trên đơn vị diện tích nhằm thu nhiều sản phẩm trên đơn vị canh tác với chi phí thấp nhất.

Các tiêu chí để đánh giá trình độ thâm canh trong nông nghiệp: Mức đầu tư trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp và trên lao động nông nghiệp; diện tích đất trồng trọt được tưới, tiêu bằng hệ thống thủy lợi; diện tích đất trồng trọt được cày máy; số lượng máy kéo, máy gặt sử dụng trong SXNN; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch của mỗi loại sản phẩm; năng suất cây trồng, vật nuôi; năng suất lao động xã hội của ngành nông nghiệp.

#### **1.2.5. Các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ**

- Liên kết kinh tế trong nông nghiệp là sự hợp tác của các đối tác trên chuỗi giá trị để đưa nông sản từ sản xuất đến nơi tiêu thụ nhằm tìm kiếm những cơ hội đem lại lợi nhuận từ sự liên kết này.

- Một mô hình liên kết trong nông nghiệp được xem là tiến bộ khi đạt được các tiêu chí sau: Tôn trọng tính độc lập của các hộ SXNN đối với sở hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm sản xuất; tăng khả năng cạnh tranh của nông sản sản xuất ra như chi phí, mẫu mã, an toàn thực phẩm; bền vững và đảm bảo phân chia lợi ích phù hợp giữa các đối tác, đặc biệt đối với nông hộ; đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

#### **1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp**

- Kết quả SXNN là những gì nông nghiệp đạt được sau một chu kỳ sản xuất nhất định được thể hiện bằng số lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm, GTSX của nông nghiệp.

- Gia tăng kết quả SXNN là số lượng sản phẩm và giá trị sản phẩm, cũng như sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa của nông nghiệp được sản xuất qua các năm và yêu cầu năm sau phải tăng cao hơn năm trước.

- Các tiêu chí đánh giá sự gia tăng và mức độ gia tăng kết quả SXNN: Sự gia tăng và mức gia tăng trong việc đóng góp cho nhà nước; sự gia tăng và mức gia tăng trong việc tích lũy cho các cơ sở sản xuất; sự gia tăng và mức gia tăng trong việc cải thiện đời sống người lao động; mức gia tăng, tốc độ tăng của khối lượng sản phẩm hàng hóa cung cấp cho xã hội.

### **1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

#### **1.3.1. Nhân tố điều kiện tự nhiên**

- Điều kiện đất đai
- Điều kiện khí hậu
- Nguồn nước

#### **1.3.2. Nhân tố điều kiện xã hội**

- Dân tộc.
- Dân số.
- Truyền thống.
- Dân trí.

#### **1.3.3. Nhân tố điều kiện kinh tế**

- Tình trạng nền kinh tế
- Thị trường
- Các chính sách về nông nghiệp
- Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN EAH'LEO, TỈNH ĐẮK LĂK THỜI GIAN QUA

#### 2.1. TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA HUYỆN EAH'LEO ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

##### 2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

- *Thuận lợi*: Trên địa bàn huyện có trục đường giao thông như: Quốc lộ 14, đường liên tỉnh Đăk Lăk – Gia Lai (Tỉnh lộ 15), đường liên huyện Ea H'Leo – Ea Sup (tỉnh lộ 19B), đường liên huyện Ea H'Leo- Krông Năng và đường liên huyện Ea H'Leo - Cư M'Ga đi qua là điều kiện khá thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế với hai trung tâm kinh tế là Thành phố Buôn Ma Thuột, Thành phố Plây ku và các vùng lân cận.

- *Khó khăn*: Địa hình tương đối phức tạp, vùng núi cao có độ dốc lớn dễ bị thoái hoá do xói mòn rửa trôi nên cần chú trọng các biện pháp canh tác thích hợp cho đất đồi cũng như việc khoanh nuôi bảo vệ rừng đầu nguồn. Địa hình chia cắt, đất xám phát triển trên đá Granit có tỷ lệ cát cao, kết cấu kém bền vững, ảnh hưởng đến xây dựng các hệ thống hạ tầng và phát triển kinh tế

##### 2.1.2. Đặc điểm về điều kiện xã hội

*a. Dân tộc*: Dân tộc Kinh chiếm 61%, dân tộc thiểu số chiếm 39%.

*b. Dân số*: Dân số toàn huyện có 127.299 người, 28.983 hộ, mật độ trên 95 người/km<sup>2</sup>, phân bố không đều, chủ yếu ở vùng nông thôn.

*c. Lao động*: Lao động nông nghiệp 30.748 người chiếm 48,15% lao động trong các ngành kinh tế, thất nghiệp có giảm nhưng vẫn ở mức cao.

*d. Truyền thống*: Dân tộc Kinh có truyền thống trồng lúa nước và chăn nuôi gia súc, gia cầm. các dân tộc khác SXNN theo phương thức quảng canh, không chăm sóc, nhờ vào những điều kiện thuận lợi của tự nhiên.

*e. Dân trí*: Huyện có 71 trường và cơ sở giáo dục, chất lượng giáo dục được ngày càng tăng lên, tỷ lệ học sinh học các cấp càng tăng lên;

12/12 xã đạt chuẩn phổ cập tiểu học, trung học cơ sở đúng độ tuổi.

### **2.1.3. Điều kiện kinh tế**

#### **a. Tăng trưởng kinh tế**

Tổng giá trị sản xuất đạt 5.728.519 triệu đồng tăng bình quân giai đoạn 2009-2013 là 14,18%/năm, đây là mức tăng trưởng cao: Nông, lâm thủy sản tăng 64.4%/năm, khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 24.0%/năm; dịch vụ, thương mại tăng 11.7%/năm.

#### **b. Cơ cấu kinh tế**

Cơ cấu GTSX nông lâm, thủy sản tỷ lệ 64,35% có xu hướng giảm dần, thương mại và dịch vụ chiếm 11,70% và GTSX công nghiệp, xây dựng chiếm 24,0% có xu hướng tăng dần.

#### **c. Thị trường các yếu tố đầu vào và tiêu thụ nông sản**

- Đối với thị trường đầu vào: Vật tư, máy móc, phân bón... qua nhiều khâu trung gian, giá cả còn cao, thiếu ổn định, chưa đáp ứng kịp thời.

- Đối với thị trường đầu ra: nông sản có giá cả bấp bênh, không ổn định, thường bị tư thương ép giá.

#### **d. Tình hình thực hiện các chính sách về nông nghiệp**

- Chính sách: đất đai; thuế; đầu tư; tín dụng; lao động, giải quyết việc làm; khuyến nông; xây dựng nông thôn mới.

#### **e. Đặc điểm cơ sở hạ tầng**

Có 302,5 km đường giao thông nông thôn kiên cố hóa; 36 hồ chứa, đập lớn nhỏ; 10 trạm bơm điện, đáp ứng cơ bản nhu cầu nước cho trên 10.000 ha đất nông nghiệp, 12/12 xã có sóng di động, internet.

## **2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN EAH'LEO**

### **2.2.1. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp thời gian qua**

#### **a. Số lượng kinh tế hộ**

Toàn huyện có 11.594 hộ SXNN, có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2009-2013, đa số các hộ tạo ra chiếm 99,855% trong tổng giá trị SXNN toàn huyện, canh tác trên diện tích 14.376 ha đất nông nghiệp, các hộ nuôi được 38.115 con gia súc, 319.000 con gia cầm.

### ***b. Số lượng kinh tế trang trại***

Toàn huyện đã có 31 trang trại, gồm 28 trang trại sản xuất chăn nuôi và 03 trang trại trồng cây hàng năm. Bình quân một trang trại khoảng 10 ha, 12 lao động, vốn 530 triệu đồng, giá trị sản lượng hàng hóa bình quân 1.130 triệu đồng/trang trại. Trang trại sử dụng gần 2,15% đất SXNN, quản lý 5,92% tổng đàn gia súc và 3,18% tổng đàn gia cầm; GTSX hàng hóa còn thấp.

### ***c. Số lượng hợp tác xã***

có 4 HTX dịch vụ nông nghiệp, loại hình kinh tế chưa đa dạng, hiệu quả kinh tế thấp, trình độ quản lý kém.

### ***d. Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp***

Các công ty lâm nghiệp đang thuê đất 50 năm để trồng cao su các xã trên địa bàn huyện, đến nay trồng được 13.995 ha, vốn đầu tư 1.339 tỷ đồng, diện tích khai thác trên 10.000 ha, giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 1.885 lao động nông thôn.

## **2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp thời gian gần đây**

**Bảng 2.1: Tình hình chuyển dịch cơ cấu GTSX nông nghiệp huyện EaH'leo thời gian qua**

*Đơn vị tính: %*

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Trồng trọt	92,29	89,26	81,62	81,58	86,68
2	Chăn nuôi	6,70	3,42	2,96	2,79	3,22
3	Dịch vụ nông nghiệp	1,01	7,32	15,42	15,63	13,10
	Tổng	100	100	100	100	100

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện EaH'leo qua các năm*

Qua bảng 2.1 ta thấy: Cơ cấu GTSX chiếm tỷ lệ cao, có xu hướng giảm; chăn nuôi giảm, năm 2009 chiếm 6,70% giảm xuống

3,22% năm 2013, tỷ lệ tăng, giảm hàng năm của trồng trọt và chăn nuôi thất thường do phụ thuộc vào thời tiết, sâu bệnh, dịch bệnh. Cơ cấu GTSX cây lương thực giảm, từ 15,64% năm 2009 xuống còn 14,02% năm 2013, giảm 1,62%. Cây rau, đậu và hoa từ 2,60% giảm xuống 2,35%. Nhìn chung, tỷ lệ tăng, giảm các loại cây đều chậm.

Cơ cấu GTSX do chăn nuôi gia súc tạo ra luôn chiếm trên 74% có xu hướng giảm dần; GTSX do chăn nuôi gia cầm chỉ chiếm từ 20,07% đến 25,15% có xu hướng tăng lên.

Cơ cấu theo thành phần, kinh tế hộ giữ vai trò chính chiếm 99,855% trong cơ cấu GTSX nông nghiệp.

### **2.2.3. Quy mô các nguồn lực trong nông nghiệp**

#### ***a. Đất đai***

Diện tích đất SXNN năm 2013 là 68.340,54 ha, diện tích đất nông nghiệp bình quân/cơ sở SXNN có xu hướng tăng dần; năng suất ruộng đất đạt 65,99 triệu/ha/năm; hệ số sử dụng đất năm 2019 1,51 tăng lên 1,67 năm 2013.

#### ***b. Lao động***

Lao động nông nghiệp có xu hướng giảm dần, chiếm tỷ lệ trên 48,05% so với tổng lao động toàn huyện nguyên nhân là do có sự chuyển dịch lao động nông nghiệp sang ngành kinh tế khác và di dân; chất lượng, tuy số lao động được đào tạo hàng năm có chiều hướng tăng dần nhưng phần lớn lao động nông nghiệp chưa qua đào tạo, trình độ tay nghề chưa có, là lao động phổ thông.

#### ***c. Vốn đầu tư***

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách chi thường xuyên cho nông nghiệp hàng năm cao, bình quân trên dưới 124 tỷ đồng/năm.

*Vốn tín dụng* do các ngân hàng Chính sách xã hội, ngân hàng NN & PTNT cho nông dân vay, nông dân vẫn còn thiếu vốn để sản xuất.

*Các nguồn vốn khác* gồm: Vốn từ nhân dân, vốn doanh nghiệp, vốn các tổ chức phi Chính phủ (NGO)...

#### ***d. Khoa học và công nghệ***

Được huyện quan tâm hơn vào những năm gần đây, công tác khuyến nông góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng năng suất cây trồng vật nuôi, đưa nhiều mô hình SXNN vào áp dụng trong nông nghiệp. Tuy nhiên, do số lượng cán bộ làm công tác KHKT ngành nông nghiệp trực tiếp ở cơ sở còn thiếu và yếu so với yêu cầu cùng với thu nhập lao động nông nghiệp nên việc đổi mới và ứng dụng các tiến bộ trong SXNN hạn chế.

#### **2.2.4. Tình hình thâm canh trong nông nghiệp của huyện EaH'leo**

***Bảng 2.2: Năng suất một số cây trồng huyện EaH'leo  
thời gian qua***

*Đơn vị: Tạ/ha*

TT	Cây trồng	Năm				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Lúa	32,6	30,2	31,3	32,6	42,0
2	Ngô	32,97	42,11	47,36	43,60	45,32
3	Khoai	147	143	150	120	166
4	Sắn	150	160	195	196	196
5	Rau các loại	22	25	32	25	32
6	Các loại đậu	27,61	13,77	15,96	26,95	22,10
7	Cây hàng năm khác	0,50	0,76	0,63	0,65	0,663

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện EaH'leo qua các năm*

Qua bảng 2.2 ta thấy, thâm canh nông nghiệp làm tăng năng suất các loại cây trồng, tuy nhiên, chỉ có lúa và sắn là có mức tăng tương đối, còn các loại cây khác năng suất tăng không đáng kể.

Cơ sở vật chất phục vụ thâm canh trong NN có xu hướng tăng (Bảng 2.3).

**Bảng 2.3: Tình hình cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp EaH'leo thời gian qua**

T T	Chi tiêu cơ gói hoá	ĐV	Năm				
			2009	2010	2011	2012	2013
1	Số trạm bơm điện	Trạm	4	6	7	9	10
2	Tổng số hồ chứa	Hồ	36	36	36	36	36
3	Diện tích đọc cày máy	ha	7.594	8.184	7.895	8.23	7.71
4	Diện tích đọc tưới	ha	7.694	7.956	8.073	8.42	8.68
5	Diện tích đọc tiêu	ha	1.027	1.173	1.267	1.29	1.38
6	Máy kéo lớn (từ 35CV trở lên)	chiếc	11	14	17	20	22
7	Máy gặt đập liên hợp	chiếc	10	14	19	23	26

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện EaH'leo qua các năm*

### **2.2.5. Tình hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp**

- Các mô hình liên kết: Nhà máy tinh bột sắn liên kết với nông hộ trồng sắn, nông hộ đảm nhận khâu sản xuất, nhà máy lo thu mua sắn về chế biến và tiêu thụ; các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn huyện đã ký hợp đồng với các hộ nông dân làm đất, trồng cây, chăm sóc cao su và thu hoạch cao su.

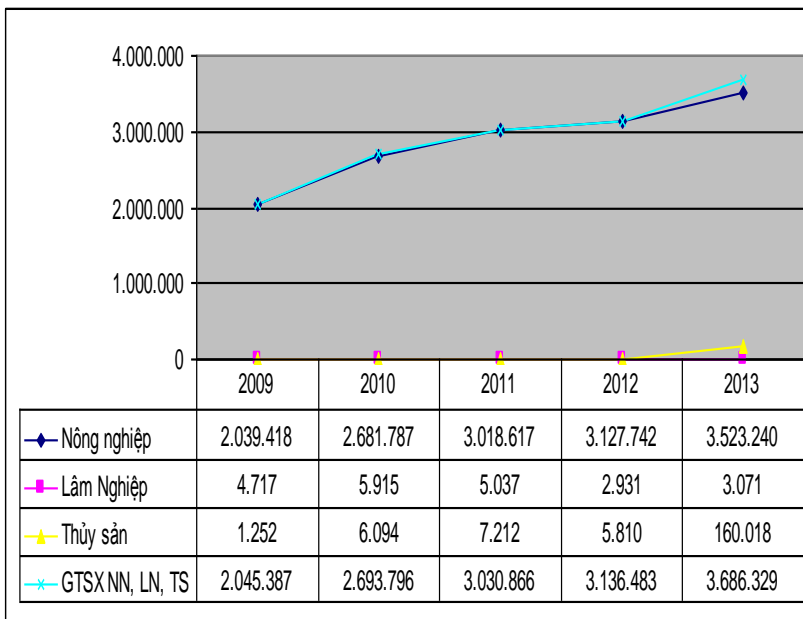
- Kinh tế trang trại chưa liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất nông sản hàng hoá; kinh tế hộ, chưa chú trọng liên kết giữa các nông hộ với nhau để tăng năng lực sản xuất...

- Chưa xuất hiện liên kết sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi.



## 2.2.6. Kết quả sản xuất nông nghiệp huyện EaH'leo những năm qua

Qua hình 2.1 ta thấy, giá trị SXNN năm 2013 là 3.523.240 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng 2009-2013 đạt trên 12,65%, tuy nhiên có đóng góp lớn đối với nền kinh tế huyện EaH'leo, trồng trọt là ngành có đóng góp nhiều nhất.



Nguồn: Niên giám thống kê huyện EaH'leo qua các năm

**Hình 2.8: Biểu đồ kết quả và tốc độ tăng GTSX nông, lâm, thủy sản huyện EaH'leo thời gian qua**

### a. Trồng trọt

Năm 2013, GTSX trồng trọt đạt 2.948.280 triệu đồng cao hơn 1,56 lần so với năm 2009; cây lương thực năm 2013 đạt 413.259 triệu đồng cao hơn 1,21 lần so với năm 2009, gồm 2 loại cây trồng là lúa và ngô. Diện tích cây lương thực giảm rõ rệt, các loại cây khác thì diện tích thay đổi không đáng kể, có loại cây có xu hướng giảm; năng suất các loại cây trồng đều có xu hướng tăng.

### ***b. Chăn nuôi***

Năm 2013, GTSX chăn nuôi đạt 113.451 triệu đồng gấp 1,30 lần so với năm 2009. Trong đó, đàn gia súc đạt 87.006 triệu đồng tăng hơn 18.908 triệu đồng so với năm 2009, nhìn chung GTSX tăng, giảm ổn định và có quy mô nhỏ. GTSX gia cầm chỉ đạt 26.173 triệu đồng chiếm một phần nhỏ trong ngành chăn nuôi. Thời kỳ 2009-2013, số lượng đàn gia súc, gia cầm có thời điểm tăng lên nhưng đến năm 2011, 2012 số lượng đều thấp hơn năm 2009 vì dịch bệnh.

### ***c. Thực trạng đóng góp của nông nghiệp huyện với nền kinh tế***

Giá trị SXNN chiếm 92,29% trong cơ cấu tổng giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản nên đã góp phần thúc đẩy kinh tế huyện tăng trưởng bình quân 9,83%/năm giai đoạn 2009-2013. NN cung cấp lương thực, nguyên liệu, thị trường và lao động cho các ngành kinh tế, góp phần xây dựng nông thôn mới.

### ***d. Thực trạng về đời sống của nông dân huyện EaH'leo***

***Bảng 2.4: Tình hình hộ nghèo và thu nhập của nông dân huyện EaH'leo thời gian qua***

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2008	2009	2010	2011	2012
1	Số hộ nghèo (hộ)	4.735	4.471	4.291	4.156	3.277
2	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	16,73	16,08	15,30	14,24	11,30
3	TNBQ người dân nông thôn (triệu.đ/người/năm)	15,6	25,4	25,5	29,0	35,0

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện EaH'leo qua các năm*

SXNN đã giải quyết việc làm, nâng cao mức sống cho nhân dân. Do chuẩn hộ nghèo thay đổi nên tình hình hộ nghèo và thu nhập của nông dân được thể hiện qua bảng 2.4.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN EAH'LEO**

### **2.3.1. Thành công và hạn chế**

#### **a. Thành công**

- Số lượng trang trại, HTX có chiều hướng tăng lên.
- Cơ cấu các ngành chuyên dịch phù hợp;
- Huyện rất quan tâm đến việc phát huy các nguồn lực sẵn có;
- Hình thành liên kết sản xuất tiên bộ trong trồng trọt;
- Chú trọng thâm canh sản xuất;
- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân...

#### **b. Hạn chế**

- Giá trị SXNN chủ yếu do kinh tế hộ tạo ra;
- tỷ trọng ngành thấp, tăng chậm;
- Diện tích đất đai bình quân của từng hộ thấp;
- Chưa có liên kết sản xuất trong chăn nuôi;
- Diện tích lúa tái sinh cao;
- Thu nhập nông dân còn thấp...

### **2.3.2. Nguyên nhân của các hạn chế**

- Địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn bị sông suối chia cắt, đất canh tác dễ bị rửa trôi, xói mòn, bạc màu...
- Quỹ đất SXNN ít, người đông, khó khăn mở rộng diện tích.
- Chịu ảnh hưởng nhiều do thiên tai gây ra cho SXNN như lũ quét, ngập úng cục bộ, gió lốc, gió xoáy...
- Nông nghiệp có điểm xuất phát thấp;
- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp chưa hoàn thiện;
- Số lượng các cơ sở SXNN chủ yếu là kinh tế hộ với quy mô sản xuất nhỏ, thiếu vốn, trình độ, năng lực tổ chức sản xuất hạn chế;
- Cơ cấu SXNN chưa hợp lý, chăn nuôi chiếm tỷ trọng thấp;
- Quy mô sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp còn khiêm tốn, lao động qua đào tạo ít;
- Trình độ thâm canh trong nông nghiệp thấp;
- Liên kết trong SXNN còn rất nhiều hạn chế;
- Công tác thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản chưa được quan tâm, công tác khuyến nông, phòng trừ sâu, dịch bệnh còn hạn chế;
- Chưa thực hiện và quản lý tốt PTNN theo quy hoạch.

## CHƯƠNG 3

### GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN EAH'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK TRONG THỜI GIAN TỚI

#### 3.1 CĂN CỨ CHO VIỆC XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

##### 3.1.1 Căn cứ sự biến động của môi trường ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp

**Môi trường tự nhiên:** Phòng chống những bất thường của thời tiết; bảo vệ đa dạng sinh học, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường; đảm bảo tính bền vững của hệ sinh thái; giảm thiểu tác động xấu tới cung của yếu tố môi trường tự nhiên...

**Môi trường kinh tế:** Giảm thiểu tối đa mặt trái do cơ chế thị trường, xóa bỏ tình trạng kém chất lượng của vật tư hàng hóa đầu vào và nông sản đầu ra.

**Môi trường xã hội:** Phát triển nông nghiệp đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội nâng cao chất lượng cuộc sống; gắn liền việc nâng cao thu nhập; các tệ nạn xã hội nông thôn phải giảm xuống, tính đa dạng và bản sắc văn hoá dân tộc được gìn giữ và phát huy.

##### 3.1.2. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện EaH'leo

**Về kinh tế xã hội:** Khai thác một cách có hiệu quả nguồn nội lực, thu hút nguồn lực từ bên ngoài; gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện công bằng xã hội; phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; coi trọng phát triển nguồn nhân lực;... Đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 14,5 - 15%, cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 45,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm 32,5%; thương mại - dịch vụ chiếm 22,4%...

**Về nông nghiệp:** Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; giảm dần tỷ trọng của trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ; liên kết để chế biến và mở rộng thị trường... Đến năm 2020, nâng giá trị sản xuất lên 180.015 triệu đồng; tổng sản lượng đạt

68.428 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm: 535.000 con, trong đó: Đàn trâu, bò: 11.000; đàn lợn: 55.000 con; đàn gia cầm: 450.000 con.

### **3.1.3. Các quan điểm có tính nguyên tắc khi xây dựng giải pháp**

- Phát triển nông nghiệp gắn liền với tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân; xuất phát từ nhu cầu của thị trường; lựa chọn đầu tư các sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao; đảm bảo mục tiêu giữ vững an ninh trật tự, an ninh quốc phòng.

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

### **3.2.1. Phát triển các cơ sở sản xuất**

#### ***a. Cũng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ***

Ưu tiên sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp; cải thiện thêm môi trường, tâm lý, tư tưởng và pháp lý về vai trò, vị trí và quan hệ kinh tế của gia đình nông dân với đời sống kinh tế - xã hội; khuyến khích đồng bào dân tộc thiểu số đổi mới tư duy, cần cù, sáng tạo, tích tụ đất đai; nâng cao tích lũy và tiết kiệm của kinh tế hộ, cung cấp tín dụng, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật - khuyến nông; kết hợp giữa sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm hàng hóa của kinh tế nông hộ để tăng năng lực cạnh tranh; phổ biến các mô hình sản xuất tiên tiến cho nông dân ứng dụng; phát triển theo hướng ai giỏi nghề gì làm nghề đó.

#### ***b. Phát triển kinh tế trang trại***

- Định hướng: Dẫn dắt và tập hợp các nông hộ nhỏ để cùng thực hiện tham gia vào thị trường; trở thành hạt nhân, là lực lượng nòng cốt; tạo sự nhận thức về tính chất, vai trò của kinh tế trang trại.

- Các giải pháp: Quy hoạch chi tiết sản xuất nông nghiệp đến từng thửa ruộng; xác định tư cách pháp nhân cho các trang trại; thực hiện tốt các chính sách về khuyến khích và bảo hộ trang trại; cung

cấp thông tin thị trường và khuyến cáo khoa học - kỹ thuật để giúp trang trại định hướng sản xuất kinh doanh; tăng cường liên kết kinh tế, thành lập hội nghề nghiệp; tăng khả năng tiếp cận thị trường của trang trại, từng bước chuyển “sản xuất hàng hóa theo hướng cung cấp những gì thị trường cần”; đào tạo, tập huấn cho các chủ trang trại nâng cao kiến thức về thị trường, kỹ năng kinh doanh...

### ***c. Phát triển các tổ hợp tác***

Tổ hợp tác là hình thức phổ biến trong thành phần kinh tế tập thể, là cơ sở để hình thành hợp tác xã kiểu mới. Tổ hợp tác sẽ phục vụ đầu vào và đầu ra nông sản của các hộ sản xuất; phát triển tổ hợp tác, phải bắt đầu từ nhu cầu của người dân và mang lại lợi ích kinh tế cho từng hộ; các tổ hợp tác ở EaH'leo có thể phát triển như tổ hợp tác: tưới tiêu, vay vốn, khoa học - kỹ thuật, lao động, trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề nông thôn, quản lý bảo vệ rừng, đổi công, dịch vụ...; tập huấn nâng cao nhận thức của nông dân khi tham gia vào tổ hợp tác; chú trọng phát triển các tổ hợp tác để tạo điều kiện phát triển thành các HTX.

### ***d. Phát triển hợp tác xã***

- Định hướng: Đồng bộ, gắn kết các thành phần kinh tế khác; vận hành theo cơ chế thị trường, thực sự là chủ thể kinh tế tự chủ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; Là cầu nối giữa nông dân với nhà khoa học và doanh nghiệp.

- Giải pháp phát triển: Phát triển các HTX mới đa dạng trên nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi, xuất phát từ nhu cầu của các hộ nông dân, phù hợp với trình độ phát triển của các ngành nghề; đa dạng hoá hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể; khuyến khích, huy động cổ phần và nguồn vốn của xã viên; hình thành các hình thức hợp tác dưới dạng hội, hiệp hội ngành nghề; tập trung thành lập các loại hình HTX chủ yếu như HTX mua bán, cung ứng, tiêu thụ, dịch

vụ nông nghiệp, tín dụng, môi trường...

### ***e. Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp***

- Định hướng: phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển doanh nghiệp chăn nuôi, chế biến nông, lâm sản...

- Giải pháp phát triển: tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trồng cao su mở rộng sản xuất, tăng cường hợp tác, liên kết để huy động vốn phát triển cao su; thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; xây dựng các cụm công nghiệp, tạo mặt bằng cho các doanh nghiệp thuê đất.

#### **3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp**

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất hợp lý để khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế so sánh:

- Ngành chăn nuôi tập trung phát triển đàn gia súc, khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi tập trung, nâng tỷ trọng chăn nuôi lên trên 18% vào năm 2020.

- Ngành trồng trọt tăng cường mở rộng diện tích các loại cây trồng có giá trị gia tăng cao và có lợi thế, phát triển vùng chuyên canh có năng suất cao, hạn chế chuyển đổi đất nông nghiệp, chú trọng mở rộng thâm canh tăng vụ.

Để quá trình chuyển đổi cơ cấu SXNN đúng mục tiêu, kế hoạch dài hạn cần PTNN theo quy hoạch:

- Phát triển nông nghiệp theo vùng lãnh thổ, phân vùng theo không gian tiểu vùng lãnh thổ liên xã có sự tương đồng về các đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình, cây trồng, vật nuôi thích nghi với đất đai.

- Tập trung phát triển 8 cây, 5 con chủ lực: lúa, ngô, khoai, sắn, rau, cao su, cà phê, hồ tiêu; trâu, bò lai, heo (rừng lai, địa phương, lai), gà ta, gà công nghiệp.

### **3.2.3. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp**

#### ***a. Về đất đai***

Quy hoạch chi tiết sử dụng đất kết hợp với xây dựng nông thôn mới; quản lý sử dụng đất đúng mục đích; khắc phục các dự án treo, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp; đẩy mạnh công tác chuyển đổi đất, khắc phục tình trạng phân tán, manh mún ruộng đất; tăng cường khai hoang; đẩy mạnh giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng cao hệ số sử dụng, năng suất ruộng đất.

#### ***b. Về lao động trong nông nghiệp***

Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp; thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu; đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề; tăng cường cán bộ nông nghiệp xuống cơ sở; từng bước giảm lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp gắn liền với thâm canh, cơ giới hóa, hiện đại hóa; phát triển ngành nghề chế biến, tiêu thụ công nghiệp.

#### ***c. Về nguồn vốn trong nông nghiệp***

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách, vốn các chương trình hợp tác quốc tế, vốn ODA, NGO, doanh nghiệp, nhân dân...Phát huy nội lực, tránh tư tưởng bao cấp, trông chờ, ỷ lại.

- Tăng cường các biện pháp tạo vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong nông nghiệp.

#### ***d. Về áp dụng các tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp***

Đẩy nhanh quá trình thương mại hóa các nông sản chủ lực; xây dựng và phổ biến các mô hình sản xuất hàng hóa, chuyển giao hỗ trợ giống, kỹ thuật, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; xóa bỏ tập quán sản xuất nông nghiệp lạc hậu, bồi dưỡng kiến thức quản lý, hạch toán, thị trường cho cán bộ quản lý nông nghiệp, cán bộ khuyến nông...



### **3.2.4. Lựa chọn mô hình liên kết kinh tế**

- Liên kết “4 nhà”: nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, Nhà nước.

- Liên kết giữa doanh nghiệp, ngân hàng, các hộ nông dân.
- Liên kết giữa doanh nghiệp với trang trại, ngân hàng.
- Liên kết giữa nông trường với hộ nông dân và tổ hợp tác.
- Liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **3.2.5. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp**

Thực hiện và quản lý tốt PTNN theo quy hoạch phát triển KTXH; thực hiện cơ giới hoá, tích tụ ruộng đất; công tác lập và thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất từng bước phù hợp với trình độ sản xuất của nông dân; đầu tư các cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; thực hiện gieo trồng đúng thời vụ; giải quyết tốt vấn đề phân bón, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh...

### **3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất**

Lựa chọn nông sản sản xuất phù hợp, đáp ứng theo nhu cầu của thị trường; tập trung phát triển 8 cây, 5 con chủ lực theo từng vùng chuyên canh, chấm dứt việc sản xuất lúa tái sinh; chế độ canh tác theo tiến hành thâm canh để tăng năng suất kết hợp khai hoang, cải tạo ruộng đất SXNN; chú trọng công tác thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

### **3.2.7. Hoàn thiện một số chính sách có liên quan**

Chính sách: Đất đai, thuế, tín dụng, phát triển nguồn nhân lực.

### **3.2.8. Các giải pháp khác**

#### **a. Đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn**

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, mạng lưới bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, các cơ sở thương mại, dịch vụ, mạng lưới chợ...

### ***b. Giải pháp về thị trường***

Sự hỗ trợ các cấp chính quyền các cấp để mở rộng thị trường tiêu thụ; hạn chế đến mức thấp nhất và tiến tới triệt tiêu sự lũng đoạn của tư thương; Nhà nước có chính sách để bình ổn giá kịp thời; phát triển cơ sở chế biến gắn với cơ sở SXNN theo quy hoạch sản xuất nguyên liệu.

## **3.3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Kết luận**

Với mục tiêu nghiên cứu, luận văn đã hoàn thành được một số nội dung sau đây: Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển nông nghiệp; phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, Đăk Lăk thời gian qua; đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp huyện EaH'leo, tỉnh Đăk Lăk thời gian tới.

### **3.3.2. Kiến nghị**

#### ***a. Đối với Chính phủ***

Có chính sách đủ mạnh để nâng cao dân trí cho khu vực nông thôn; cần loại bỏ chính sách “hạn điền”; có chính sách riêng cho các doanh nghiệp trên địa bàn vùng núi, miễn giảm các loại thuế trong SXNN; ban hành các văn bản dưới luật liên quan đến quyền sử dụng đất; ưu tiên nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới tiêu thụ hàng nông sản; có chính sách hỗ trợ các đối tượng thực hiện vai trò của mình trong liên kết...

#### ***b. Đối với tỉnh Đăk Lăk***

Có cơ chế đặc thù hỗ trợ sản xuất lương thực cho nông dân miền núi; tạo cơ hội thuận lợi để các cơ sở sản xuất tiếp cận nguồn vốn cho SXNN, phân cấp quản lý ngân sách cho cấp xã; hỗ trợ thỏa đáng nông dân khi chuyển giao đất; hoàn thiện các chính sách áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp./.